

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng

Địa chỉ trụ sở chính: Cảng Tân Cảng – Cát Lái, Phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.

Mã số doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309532497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 04/01/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 01/3/2021.

Hôm nay, vào 09h00 phút ngày 26 tháng 04 năm 2022, tại Hội trường lầu 4 Công ty, Công C, Cảng Tân Cảng – Cát Lái, Phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM, Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:

1. Thành phần tham dự:

- Các ông/bà là thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát; thành viên Ban giám đốc công ty.
- Các cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông theo danh sách chốt ngày 29/3/2022.

2. Tính hợp lệ của Đại hội:

Công ty đã mời họp theo điều 139-141 Luật doanh nghiệp 2020, và điều lệ Công ty (công ty gửi thư mời họp cho 100% cổ đông theo danh sách chốt của TTLK chứng khoán). Tại thời điểm khai mạc Đại hội, lúc 09h00 ngày 26/4/2022 số cổ đông tham dự đại hội gồm:

- Cổ đông tham dự và người được ủy quyền: 104 người. Tổng số cổ phiếu do các cổ đông tham dự và ủy quyền là: 16.827.230 cổ phần, chiếm 84,1739 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Cổ đông vắng mặt không ủy quyền nắm giữ: 3.163.790 cổ phần, chiếm 15,8261% tổng số cổ phần của Công ty.

Căn cứ Khoản 1 Điều 21 Điều lệ công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đủ điều kiện để tiến hành.

II. DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI:

A. THỦ TỤC TIẾN HÀNH KHAI MẠC CUỘC HỌP ĐHĐCĐ:

1. Ông Nguyễn Quang Chung thay mặt Ban tổ chức ĐHĐCĐ tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự:

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Đại diện Ban kiểm tra tư cách đại biểu công bố tỷ lệ tham dự đại hội.

3. Ông Nguyễn Quang Chung giới thiệu số lượng và danh sách Đoàn chủ tịch gồm 02 người:

- Ông Ngô Văn Ngự - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa
- Ông Trần Quang Thảo - Giám đốc - Thành viên

Biểu quyết: 16.827.230/16.827.230 cổ phần (tỷ lệ 100%) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

4. Ông Ngô Văn Ngự (Chủ tọa) đề cử Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

- Thư ký đại hội: Bà Hồ Thanh Hiền
- Ban kiểm phiếu gồm 03 người:
 - + Ông Đoàn Xuân Phi
 - + Ông Lê Hải Hùng
 - + Ông Trần Hải Dương

Biểu quyết: 16.827.230/16.827.230 cổ phần (tỷ lệ 100%) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

5. Ông Ngô Văn Ngự thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.

Biểu quyết: 16.827.230/16.827.230 cổ phần (tỷ lệ 100%) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

6. Ông Ngô Văn Ngự thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Biểu quyết: 16.827.230/16.827.230 cổ phần (tỷ lệ 100%) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

B. TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC TỜ TRÌNH XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.

1. Ông Trần Quang Thảo trình bày báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2021 (Xem tài liệu đại hội).

2. Ông Trần Quang Thảo trình bày báo cáo kết quả SXKD năm 2021; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 cụ thể như sau:

2.1 Kết quả SXKD năm 2021.

2.1.1 Kết quả sản lượng thực hiện năm 2021 Cty mẹ (một số chỉ tiêu chính).

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021		
			Giá trị	% so với kế hoạch	% so với cùng kỳ
Sản lượng kho (tấn)	1.162.984	1.197.873	1.131.715	94,5	97,3
Sản lượng bãi (teus)	692.333	756.983	648.960	85,7	93,7
Sản lượng VTVN(cont)	20.612	21.419	17.931	83,7	87,0

2.1.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

a. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 hợp nhất (BCTCHN kiểm toán).

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021		
			Giá trị	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	777.840	846.986	809.302	95,55	104,04
1. Doanh thu bán hàng	768.721	842.358	800.514	95,03	104,14
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.458	3.625	8.233	227,12	97,34
3. Thu nhập khác	660	1.002	554	55,29	83,94
II. Tổng chi phí	678.647	739.705	709.579	95,93	104,56
1. Giá vốn hàng bán	601.216	656.752	632.226	96,27	105,16
2. Chi phí tài chính	7.430	8.161	6.136	75,19	82,58
3. Chi phí bán hàng	10.641	12.131	9.424	77,69	88,56
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	57.627	60.836	60.306	99,13	104,65
5. Chi phí khác	1.733	1.825	1.486	81,42	85,75
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	99.193	107.281	99.723	92,95	100,53
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.896	23.061	23.528	102,03	112,60
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	237		-399		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	78.060	84.220	76.594	90,95	98,12
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	1.838	2.626	2.404	91,55	130,79

b. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 (BCTC công ty mẹ kiểm toán).

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021		
			Giá trị	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	637.714	703.243	673.130	95,72	105,55
1. Doanh thu bán hàng	624.663	693.968	659.086	94,97	105,51
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12.391	8.275	13.489	163,01	108,86
3. Thu nhập khác	660	1.000	554	55,40	83,94
II. Tổng chi phí	549.030	609.507	582.314	95,54	106,06
1. Giá vốn hàng bán	483.242	537.817	519.141	96,53	107,43
2. Chi phí tài chính	4.548	5.627	3.958	70,34	87,03
3. Chi phí bán hàng	10.508	12.000	9.058	75,48	86,20
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.534	52.712	49.521	93,95	99,97
5. Chi phí khác	1.198	1.350	636	47,11	53,09
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	88.684	93.736	90.815	96,88	102,40
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.736	19.402	20.464	105,47	109,22
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	237		-399		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	69.710	74.334	70.750	95,18	101,49

2.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

2.2.1 Kế hoạch sản lượng năm 2022 công ty mẹ (một số chỉ tiêu chính).

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	DỰ KIẾN NĂM 2022	
			Giá trị	Tỷ lệ % so với 2021
Sản lượng kho	Tấn	1.131.715	1.164.416	102,9%
Sản lượng bãi (teus)	Teus	648.960	740.363	114,1%
Sản lượng VTVN (teus)	Teus	17.931	17.384	96,9%

2.2.2 Kế hoạch SXKD năm 2022.

a. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2022 (Hợp nhất):

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	809.302	864.877	106,9%
1. Doanh thu bán hàng	800.514	858.553	107,3%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.233	5.324	64,7%
3. Thu nhập khác	555	1.000	180,3%
II. Tổng chi phí	709.579	759.017	107,0%
1. Giá vốn hàng bán	632.226	676.994	107,1%
2. Chi phí tài chính	6.136	5.997	97,7%
3. Chi phí bán hàng	9.424	10.493	111,3%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	60.306	63.628	105,5%
5. Chi phí khác	1.486	1.906	128,2%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	99.723	105.860	106,2%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	23.528	23.386	99,4%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-399	0	0,0%
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	76.594	82.474	107,7%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.404	2.602	108,3%

b. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2022 (Công ty mẹ):

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	673.129	717.186	106,55
1. Doanh thu bán hàng	659.086	706.666	107,22
2. Doanh thu hoạt động tài chính	13.489	9.520	70,58
3. Thu nhập khác	554	1.000	180,29
II. Tổng chi phí	582.314	623.162	107,01
1. Giá vốn hàng bán	519.141	554.260	106,76
2. Chi phí tài chính	3.958	4.318	109,10
3. Chi phí bán hàng	9.058	10.000	110,39

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ (%)
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.521	53.634	108,31
5. Chi phí khác	636	950	149,31
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	90.815	94.024	103,53
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.464	20.111	98,27
1. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-399		0,00
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	70.750	73.913	104,47

3. Ông **Trần Quang Thảo** trình bày kết quả đầu tư năm 2021, kế hoạch đầu tư năm 2022.

3.1 Kết quả đầu tư năm 2021.

Năm 2021, tổng số tiền đầu tư của Công ty là 24.746 triệu đồng, trong đó

- Đầu tư Xây dựng cơ bản: 2.204 triệu đồng.
- Đầu tư mua sắm TTBCN: 22.542 triệu đồng.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Công Trình - Thiết bị- góp vốn	Thực hiện 2021
1	Trang bị mái canopy kho 2,3	2.204
2	Xe nâng rỗng tại Depot Tân Cảng Suối Tiên	7.003
3	Phần mềm EWMS GD 1 (thanh toán hàng qua mạng, nâng cấp tính năng... hóa đơn kho ngoại quan)	4.208
4	Xe nâng điện (mua thêm 8 xe)	5.808
5	Licence tường lửa + 3 CX	625
6	Xe nâng điện cho kho 6	1.743
7	Xe nâng dầu	1.155
8	Thay thế bình điện xe nâng kho	2.000
TỔNG		24.746

3.2 Kế hoạch đầu tư năm 2022.

STT	Nội dung	Kế hoạch 2022	Ghi chú
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	94.700	
1	Đầu tư xây dựng VP làm việc (Mua đất, xây lắp)	80.000	

STT	Nội dung	Kế hoạch 2022	Ghi chú
2	Xây dựng văn phòng giao nhận tại các cửa kho	3.500	
3	Nâng cấp bãi hàng, chuyển đổi công năng Cảng Mở	6.000	
4	Mái hiên canopy cửa số 10-13 kho 2 và số 17-19 kho 3	5.200	
II	MUA SẮM TTB	60.259	
1	Thay thế bình điện xe nâng kho (25 xe)	5.000	
2	Mua 03 cont chứa hàng nguy hiểm	500	
3	Handheld xe nâng ngoài kho (hàng nhập - cửa xuất)	2.700	
4	Phần mềm e.WMS GD 2 (Xuất hàng tự động, nâng cấp tính năng....)	8.000	
5	Thay cửa cuốn kho CFS 2,3	600	
6	Thay thế, bổ sung camera các kho	1.300	
7	Bổ sung, thay thế kệ hàng các kho	400	
8	Cont văn phòng Bãi 3.2 ha Phú Hữu	360	Chuyển từ 2021 sang
9	Thiết bị PCCC Bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.600	Chuyển từ 2021 sang
10	Yard Map TOPX Bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.540	Chuyển từ 2021 sang
11	Xe nâng điện kho (mua thêm)	6.192	Chuyển từ 2021 sang
12	Xe nâng cont rỗng DA 3,2 Ha Phú Hữu (01 xe)	9.999	Chuyển từ 2021 sang
13	Xe nâng cont hàng dự án 3,2 Ha Phú Hữu (01 xe)	13.000	Chuyển từ 2021 sang
14	Thiết bị handheld + VHF thay thế	3.000	Chuyển từ 2021 sang
15	Nâng cấp mạng hiện trường	2.625	Chuyển từ 2021 sang
16	Phần mềm E-WMS GD 1 (Thanh toán làm hàng qua mạng, nâng cấp tính năng...)	3.443	Chuyển 2021 (còn thanh toán 45%)
III	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP	18.000	
1	Góp vốn vào công ty CP Tân Cảng Express	18.000	Chuyển 2021
TỔNG		172.959	

4. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021 (Xem tài liệu đại hội).

5. Ông **Trần Quang Thảo** trình bày tờ trình về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021.

Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

6. Ông **Trần Quang Thảo** trình bày tờ trình về việc phân phối lợi nhuận, trả tiền cổ tức năm 2021, kế hoạch năm 2022.

➤ **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:**

+ Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2021	:	90.815.167.328 đồng
+ Thuế TNDN hiện hành	:	20.464.337.452 đồng
+ Thuế TNDN hoãn lại	:	(399.262.712) đồng
+ Tổng lợi nhuận sau thuế	:	70.750.092.588 đồng(1)
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn góp	:	35,4%
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	:	7.075.009.259 đồng(2)
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	22.658.333.333 đồng(3)
		(2,0 tháng lương bình quân NLĐ)
+ Trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	:	256.000.000 đồng(4)
+ Lợi nhuận phân phối năm 2021 = (1)-(2)-(3)-(4)	:	40.760.749.996 đồng

➤ **Chia cổ tức năm 2021:**

+ Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2021, Công ty CP Kho Vận Tân Cảng chi cổ tức như sau:

+ Lợi nhuận phân phối năm 2021	:	40.760.749.996 đồng
+ Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối	:	<u>551.114.449 đồng</u>
+ Tổng cộng	:	41.311.864.445 đồng
+ Chi cổ tức 20% trên vốn điều lệ	:	39.982.040.000 đồng
+ Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	1.329.824.445 đồng
+ Hình thức chi trả cổ tức	:	Bằng tiền
+ Thời gian chi trả cổ tức	:	Dự kiến tháng 05/2022

➤ **Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:**

Năm 2022, lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHCĐ phân phối như sau:

+ Tổng LNST kế hoạch năm 2022	:	73.912.954.224 đồng
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	:	7.391.295.422 đồng
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	:	23.400.000.000 đồng
		(2,0 tháng lương bình quân NLĐ)

- + Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành: 266.670.000 đồng
- + Lợi nhuận chia cổ tức (20%/Vốn điều lệ) : 39.982.040.000 đồng
- + Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền
- + Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức hợp lý.

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2022 của Công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2022 theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

7. Ông **Trần Quang Thảo** trình bày tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021, kế hoạch 2022.

➤ **Thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021:**

TT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
I	Hội đồng quản trị	05			
1	Chủ tịch chuyên trách	01	<i>Lương thưởng hoạt động theo chế độ chuyên trách</i>		1.159.957.290
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
II	Ban kiểm soát	03			
1	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
2	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
III	Tổ giúp việc HĐQT	04	2.500.000	30.000.000	120.000.000
TỔNG CỘNG					1.639.957.290

➤ **Kế hoạch chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2022.**

TT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
1.	Chủ tịch HĐQT	01	<i>Lương thưởng hoạt động theo chế độ chuyên trách</i>		1.200.000.000
2.	Thành viên HĐQT	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
3.	Trưởng BKS	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
4.	Thành viên BKS	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
5.	Tổ giúp việc HĐQT	04	2.500.000	30.000.000	120.000.000

TT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
TỔNG CỘNG					1.680.000.000

8. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga trình bày tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm báo cáo tài chính 2022.

➤ **Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:**

- Chọn đơn vị kiểm toán có uy tín, được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết;
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ theo yêu cầu của công ty.

➤ **Đề xuất đơn vị kiểm toán:**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) chi nhánh Hà Nội.

9. Ông Trần Quang Thảo trình bày tờ trình về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ):

Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm: Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyển, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng.

Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của công ty.

10. Ông Trần Quang Thảo trình bày tờ trình về việc điều chỉnh giảm ngành nghề kinh doanh của Công ty (xem tài liệu đại hội), cụ thể :

- Điều chỉnh giảm ngành nghề kinh doanh của Công ty, cụ thể giảm ngành: “*Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG)*”, mã ngành 4661.

- Việc điều chỉnh các ngành nghề kinh doanh trên sẽ được cập nhật trong Điều lệ Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

11. Ông Trần Quang Thảo trình bày Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Xem tài liệu đại hội).

12. Ông Trần Quang Thảo trình bày Tờ trình về việc thông qua định hướng chiến lược SXKD, đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021 – 2025 (Xem tài liệu đại hội).

C. ĐẠI HỘI THẢO LUẬN:

Các đại biểu tham dự đại hội đặt câu hỏi trực tiếp cho Đoàn Chủ tịch và được Đoàn Chủ tịch trả lời tại Đại hội.

1. Ý kiến 1:

- Trong những năm qua, công ty đã có tỷ lệ tăng trưởng tốt, đảm bảo được lợi ích của cổ đông. Trong kế hoạch năm 2022, đề nghị công ty điều chỉnh, tăng doanh thu cao hơn so với dự kiến trong kế hoạch.

➤ Ông Ngô Văn Ngự thay mặt đoàn chủ tịch trả lời ý kiến của cổ đông:

Năm 2022, tình hình dịch bệnh vẫn chưa kiểm soát được, dung lượng khai thác kho bãi đã đầy. Do đó, trong kế hoạch năm 2022 công ty vẫn đề mức tăng doanh thu 6% cho phù hợp. Trong năm 2022 sẽ đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư, mở rộng thị trường, khách hàng để tăng trưởng doanh thu.

2. Ý kiến 2:

- Đề nghị Công ty tăng mức chi trả cổ tức cao hơn 20%.

➤ Ông Ngô Văn Ngự thay mặt đoàn chủ tịch trả lời ý kiến của cổ đông:

Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến 20 % cơ bản là cao so với mặt bằng chung, mặt khác trong năm 2022, Công ty có nhiều hạng mục đầu tư phát triển mở rộng sản xuất. Để cân đối nguồn tiền cho các hoạt động SXKD, đầu tư của đơn vị, mức cổ tức 20% trong giai đoạn này là hợp lý.

Sau khi trả lời các câu hỏi của cổ đông, không có cổ đông nào có ý kiến gì thêm. Phần thảo luận kết thúc.

D. ĐẠI HỘI BIỂU QUYẾT VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Đến thời điểm 10 giờ 15 phút, khi tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung, cổ đông tham dự và cổ đông được ủy quyền tham dự là 107 người, đại diện cho 16.976.944 cổ phần, chiếm 84,9229% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Ông Đoàn Xuân Phi – Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu phát ra: 107 phiếu đại diện cho 16.976.944 CP, chiếm 100,0000% Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu thu về: 92 phiếu đại diện cho 16.961.167 CP, chiếm 99,9071% Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không thu về: 15 phiếu đại diện cho 15.777 CP, chiếm 0,0929% Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị 2021.

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.961.167	99,9071%

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
- Tán thành	16.961.167	99,9071%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	15.777	0,0929%
Tổng	16.976.944	100%

2. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm, đầu tư năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2022.

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.961.167	99,9071%
- Tán thành	16.961.167	99,9071%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	15.777	0,0929%
Tổng	16.976.944	100%

3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát 2021.

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.961.167	99,9071%
- Tán thành	16.961.167	99,9071%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	15.777	0,0929%
Tổng	16.976.944	100%

4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 (công ty mẹ và hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Hà Nội.

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.961.167	99,9071%
- Tán thành	16.961.167	99,9071%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	15.777	0,0929%
Tổng	16.976.944	100%

5. Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch năm 2022:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.961.167	99,9071%
- Tán thành	16.949.334	99,8374%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	11.833	0,0697%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	15.777	0,0929%
Tổng	16.976.944	100%

6. Thông qua Tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.961.167	99,9071%
- Tán thành	16.961.167	99,9071%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	15.777	0,0929%
Tổng	16.976.944	100%

7. Thông qua Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.961.167	99,9071%
- Tán thành	16.961.167	99,9071%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	15.777	0,0929%
Tổng	16.976.944	100%

8. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.961.167	99,9071%
- Tán thành	16.961.167	99,9071%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	15.777	0,0929%
Tổng	16.976.944	100%

9. Thông qua Tờ trình về việc điều chỉnh giảm ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.961.167	99,9071%
- Tán thành	16.961.167	99,9071%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	15.777	0,0929%
Tổng	16.976.944	100%

10. Thông qua Tờ trình về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ):

Đối với nội dung này, số cổ phần có quyền biểu quyết (sau khi loại số phiếu biểu quyết của các cổ đông có lợi ích liên quan) là: **5.173.895 cổ phần.**

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP có quyền biểu quyết
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	5.158.118	99,6951%
- Tán thành	5.020.766	97,0404%
- Không tán thành	137.352	2,6547%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	15.777	0,3049%
Tổng	5.173.895	100%

11. Thông qua Tờ trình về việc định hướng kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021 – 2025:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.961.167	99,9071%
- Tán thành	16.961.167	99,9071%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	15.777	0,0929%
Tổng	16.976.944	100%

E. CÁC NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 THÔNG QUA (PHƯƠNG THỨC BỎ PHIẾU KÍN).

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 23 Điều lệ công ty và khoản 1, 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020, các nội dung sau đây đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

STT	Nội dung được thông qua	Tỷ lệ tán thành	Kết luận các nội dung đã biểu quyết thông qua
1	Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị 2021.	99,9071%	<i>Thông qua</i>
2	Thông qua báo cáo KQ SXKD, đầu tư năm 2021 và kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2022.	99,9071%	<i>Thông qua</i>
3	Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát 2021.	99,9071%	<i>Thông qua</i>
4	Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 (công ty mẹ và hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Hà Nội.	99,9071%	<i>Thông qua</i>
5	Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch năm 2022:	99,8374%	<i>Thông qua</i>
6	Thông qua Tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022:	99,9071%	<i>Thông qua</i>

7	Thông qua Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:	99,9071%	<i>Thông qua</i>
8	Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty:	99,9071%	<i>Thông qua</i>
9	Thông qua Tờ trình về việc điều chỉnh giảm ngành nghề kinh doanh của Công ty:	99,9071%	<i>Thông qua</i>
10	Thông qua Tờ trình về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ):	97,0404%	<i>Thông qua</i>
11	Thông qua Tờ trình về việc định hướng kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021 – 2025:	99,9071%	<i>Thông qua</i>

F. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI.

Thư ký đọc biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm, không ai có ý kiến gì thêm.

Biểu quyết: 16.976.944 cổ phần (tỷ lệ 100%).

Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã được thông qua với tỷ lệ biểu quyết nhất trí 100%. Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Hồ Thanh Hiền

CHỦ TỌA




Ngô Văn Ngự



TAN CANG
WAREHOUSING

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng – Cát Lái, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: (028) 37423929 Fax: (028) 37422014
Website : www.tancangwarehousing.com.vn

Số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 26 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Kho Vận Tân Cảng ngày 26 tháng 4 năm 2022,

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng (TCW) đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại Hội trường Công ty (Cảng Tân Cảng Cát Lái, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh) với sự tham gia của 107 cổ đông trực tiếp và theo ủy quyền. Tổng cộng nắm giữ: 16.976.944 cổ phần, chiếm tỷ lệ 84,9229% vốn điều lệ, đủ điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Đại hội thống nhất ra Nghị quyết với các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 2: Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2022.

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.

1. Kết quả sản lượng thực hiện năm 2021 Công ty mẹ (một số chỉ tiêu chính).

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021		
			Giá trị	% so với kế hoạch	% so với cùng kỳ
Sản lượng kho (tấn)	1.162.984	1.197.873	1.131.715	94,5	97,3
Sản lượng bãi (teus)	692.333	756.983	648.960	85,7	93,7
Sản lượng VTVN(cont)	20.612	21.419	17.931	83,7	87,0

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 (BCTCHN kiểm toán năm 2021)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021		
			Giá trị	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	777.840	846.986	809.302	95,55	104,04
1. Doanh thu bán hàng	768.721	842.358	800.514	95,03	104,14
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.458	3.625	8.233	227,12	97,34
3. Thu nhập khác	660	1.002	554	55,29	83,94
II. Tổng chi phí	678.647	739.705	709.579	95,93	104,56
1. Giá vốn hàng bán	601.216	656.752	632.226	96,27	105,16
2. Chi phí tài chính	7.430	8.161	6.136	75,19	82,58
3. Chi phí bán hàng	10.641	12.131	9.424	77,69	88,56
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	57.627	60.836	60.306	99,13	104,65
5. Chi phí khác	1.733	1.825	1.486	81,42	85,75
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	99.193	107.281	99.723	92,95	100,53
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.896	23.061	23.528	102,03	112,60
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	237		-399		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	78.060	84.220	76.594	90,95	98,12
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	1.838	2.626	2.404	91,55	130,79

3. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 (BCTC công ty mẹ năm 2021)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021		
			Giá trị	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	637.714	703.243	673.130	95,72	105,55
1. Doanh thu bán hàng	624.663	693.968	659.086	94,97	105,51

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021		
			Giá trị	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12.391	8.275	13.489	163,01	108,86
3. Thu nhập khác	660	1.000	554	55,40	83,94
II. Tổng chi phí	549.030	609.507	582.314	95,54	106,06
1. Giá vốn hàng bán	483.242	537.817	519.141	96,53	107,43
2. Chi phí tài chính	4.548	5.627	3.958	70,34	87,03
3. Chi phí bán hàng	10.508	12.000	9.058	75,48	86,20
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.534	52.712	49.521	93,95	99,97
5. Chi phí khác	1.198	1.350	636	47,11	53,09
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	88.684	93.736	90.815	96,88	102,40
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.736	19.402	20.464	105,47	109,22
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	237		-399		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	69.710	74.334	70.750	95,18	101,49

II. Kế hoạch Sản Xuất Kinh Doanh năm 2022.

1. Kế hoạch sản lượng năm 2022 công ty mẹ (một số chỉ tiêu chính):

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	DỰ KIẾN NĂM 2022	
			Giá trị	Tỷ lệ % so với 2021
Sản lượng kho	Tấn	1.131.715	1.164.416	102,9%
Sản lượng bãi (teus)	Teus	648.960	740.363	114,1%
Sản lượng VTVN (teus)	Teus	17.931	17.384	96,9%

2. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2022 (Hợp nhất):

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	809.302	864.877	106,9%
1. Doanh thu bán hàng	800.514	858.553	107,3%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.233	5.324	64,7%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ
3. Thu nhập khác	555	1.000	180,3%
II. Tổng chi phí	709.579	759.017	107,0%
1. Giá vốn hàng bán	632.226	676.994	107,1%
2. Chi phí tài chính	6.136	5.997	97,7%
3. Chi phí bán hàng	9.424	10.493	111,3%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	60.306	63.628	105,5%
5. Chi phí khác	1.486	1.906	128,2%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	99.723	105.860	106,2%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	23.528	23.386	99,4%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-399	0	0,0%
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	76.594	82.474	107,7%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.404	2.602	108,3%

3. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2022 (Công ty mẹ):

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	673.129	717.186	106,55
1. Doanh thu bán hàng	659.086	706.666	107,22
2. Doanh thu hoạt động tài chính	13.489	9.520	70,58
3. Thu nhập khác	554	1.000	180,29
II. Tổng chi phí	582.314	623.162	107,01
1. Giá vốn hàng bán	519.141	554.260	106,76
2. Chi phí tài chính	3.958	4.318	109,10
3. Chi phí bán hàng	9.058	10.000	110,39
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.521	53.634	108,31
5. Chi phí khác	636	950	149,31
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	90.815	94.024	103,53
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.464	20.111	98,27
1. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-399		0,00
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	70.750	73.913	104,47

III. Kết quả đầu tư năm 2021, kế hoạch đầu tư năm 2022.

1. Kết quả đầu tư năm 2021.

STT	Công Trình - Thiết bị- góp vốn	Thực hiện
1	Trang bị mái canopy kho 2,3	2.204
2	Xe nâng rỗng tại Depot Tân Cảng Suối Tiên	7.003
3	Phần mềm EWMS GD 1 (thanh toán hàng qua mạng, nâng cấp tính năng... hóa đơn kho ngoại quan)	4.208
4	Xe nâng điện (mua thêm 8 xe)	5.808
5	Licence tường lửa + 3 CX	625
6	Xe nâng điện cho kho 6	1.743
7	Xe nâng dầu	1.155
8	Thay thế bình điện xe nâng kho	2.000
TỔNG		24.746

2. Kế hoạch đầu tư năm 2022.

STT	Nội dung	Kế hoạch 2022	Ghi chú
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	94.700	
1	Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc (Mua đất, xây lắp)	80.000	
2	Xây dựng văn phòng giao nhận tại các cửa kho	3.500	
3	Nâng cấp bãi hàng, chuyển đổi công năng Cảng Mở	6.000	
4	Mái hiên canopy cửa số 10-13 kho 2 và số 17-19 kho 3	5.200	
II	MUA SẮM TTB	60.259	
1	Thay thế bình điện xe nâng kho (25 xe)	5.000	
2	Mua 03 cont chứa hàng nguy hiểm	500	
3	Handheld xe nâng ngoài kho (hàng nhập - cửa xuất)	2.700	
4	Phần mềm e.WMS GD 2 (Xuất hàng tự động, nâng cấp tính năng...)	8.000	
5	Thay cửa cuốn kho CFS 2,3	600	
6	Thay thế, bổ sung camera các kho	1.300	

STT	Nội dung	Kế hoạch 2022	Ghi chú
7	Bổ sung, thay thế kệ hàng các kho	400	
8	Cont văn phòng Bãi 3.2 ha Phú Hữu	360	Chuyển từ 2021 sang
9	Thiết bị PCCC Bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.600	Chuyển từ 2021 sang
10	Yard Map TOPX Bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.540	Chuyển từ 2021 sang
11	Xe nâng điện kho (mua thêm)	6.192	Chuyển từ 2021 sang
12	Xe nâng cont rỗng DA 3,2 Ha Phú Hữu (01 xe)	9.999	Chuyển từ 2021 sang
13	Xe nâng cont hàng dự án 3,2 Ha Phú Hữu (01 xe)	13.000	Chuyển từ 2021 sang
14	Thiết bị hanheld + VHF thay thế	3.000	Chuyển từ 2021 sang
15	Nâng cấp mạng hiện trường	2.625	Chuyển từ 2021 sang
16	Phần mềm E-WMS GD 1 (Thanh toán làm hàng qua mạng, nâng cấp tính năng...)	3.443	Chuyển 2021 (còn thanh toán 45%)
III	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP	18.000	
1	Góp vốn vào công ty CP Tân Cảng Express	18.000	Chuyển 2021
TỔNG		172.959	

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn A&C chi nhánh Hà Nội.

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2021.

Điều 5. Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022.

➤ **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:**

+ Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2021	:	90.815.167.328 đồng
+ Thuế TNDN hiện hành	:	20.464.337.452 đồng
+ Thuế TNDN hoãn lại	:	(399.262.712) đồng

+ Tổng lợi nhuận sau thuế	:	70.750.092.588 đồng(1)
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn góp	:	35,4%
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	:	7.075.009.259 đồng(2)
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	22.658.333.333 đồng(3)
		(2,0 tháng lương bình quân NLĐ)
+ Trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	:	256.000.000 đồng(4)
+ Lợi nhuận phân phối năm 2021	= (1)-(2)-(3)-(4)	: 40.760.749.996 đồng

➤ **Chia cổ tức năm 2021:**

+ Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2021, Công ty CP Kho Vận Tân Cảng chi cổ tức như sau:

+ Lợi nhuận phân phối năm 2021	:	40.760.749.996 đồng
+ Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối	:	<u>551.114.449</u> đồng
+ Tổng cộng	:	41.311.864.445 đồng
+ Chi cổ tức 20% trên vốn điều lệ	:	39.982.040.000 đồng
+ Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	1.329.824.445 đồng
+ Hình thức chi trả cổ tức	:	Bằng tiền
+ Thời gian chi trả cổ tức	:	Dự kiến tháng 05/2022

➤ **Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:**

Năm 2022, lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHCĐ phân phối như sau:

+ Tổng LNST kế hoạch năm 2022	:	73.912.954.224 đồng
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	:	7.391.295.422 đồng
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	:	23.400.000.000 đồng
		(2,0 tháng lương bình quân NLĐ)

+ Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành:		266.670.000 đồng
+ Lợi nhuận chia cổ tức (20%/Vốn điều lệ)	:	39.982.040.000 đồng
+ Hình thức chi trả cổ tức:		Bằng tiền

+ Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức hợp lý.

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2022 của Công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2022 theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

Điều 6: Thông qua tờ trình chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch trả thù lao năm 2022.

➤ Thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021:

TT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
I	Hội đồng quản trị	05			
1	Chủ tịch chuyên trách	01	<i>Lương thưởng hoạt động theo chế độ chuyên trách</i>		1.159.957.290
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
II	Ban kiểm soát	03			
1	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
2	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
III	Tổ giúp việc HĐQT	04	2.500.000	30.000.000	120.000.000
TỔNG CỘNG					1.639.957.290

➤ Kế hoạch chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2022.

TT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
1.	Chủ tịch HĐQT	01	<i>Lương thưởng hoạt động theo chế độ chuyên trách</i>		1.200.000.000
2.	Thành viên HĐQT	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
3.	Trưởng BKS	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
4.	Thành viên BKS	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
5.	Tổ giúp việc HĐQT	04	2.500.000	30.000.000	120.000.000
TỔNG CỘNG					1.680.000.000

Điều 7: Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2022.

Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) chi nhánh Hà Nội làm Công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất cho Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng trong năm tài chính 2022.

Điều 8: Thông qua tờ trình về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ).

Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm: Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyên, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng.

Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của công ty.

Điều 9: Thông qua Tờ trình điều chỉnh giảm ngành nghề kinh doanh của Công ty.

▪ Điều chỉnh giảm ngành nghề kinh doanh của Công ty, cụ thể giảm ngành: “Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG)”, mã ngành 4661.

▪ Việc điều chỉnh các ngành nghề kinh doanh trên sẽ được cập nhật trong Điều lệ Công ty.

Điều 10 : Thông qua tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 11 : Thông qua Tờ trình về việc định hướng chiến lược, kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021 – 2025.

Điều 12: Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2022.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch tài chính năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Văn Ngự

Ngô Văn Ngự